

TRUNG LẬP

Tiến tới hoàn thành đề án tái cơ cấu

Điểm chính của ĐHCĐ ngày 25/04/2025

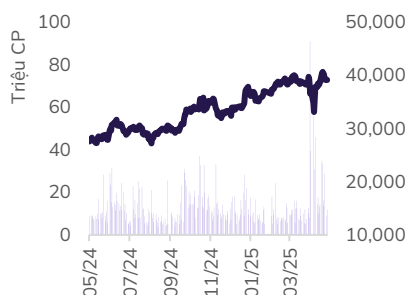
Nguyễn Xuân Hải

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 13/05/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 40.000
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 41.600
Tỷ lệ tăng (%)	: 4,0%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 75.408
SLCPLH (Triệu CP)	: 1.885

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
TT tín dụng (% svck)	10,1%	11,7%
TT huy động (% svck)	12,3%	11,0%
TT thu nhập lãi (% svck)	28,7%	11,1%
NIM (%)	3,8%	3,6%
LDR thuần (%)	92,5%	89,3%
NPL (%)	2,3%	2,4%
LLR (%)	68,8%	68,4%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	49,2%	48,8%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

• Kết quả kinh doanh 2024 của STB tăng trưởng ấn tượng

- Tổng thu nhập hoạt động của STB đạt 28.677 tỷ đồng, +9,6% svck. Động lực chính tới từ thu nhập lãi thuần (+11,1% svck) và mảng dịch vụ (+13,8% svck). Lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 12.720 tỷ đồng, +32,6% svck, vượt 20% kế hoạch đề ra, nhờ trích lập dự phòng giảm mạnh (-46,5% svck).
- **Thu nhập lãi thuần** trong 2024 ghi nhận mức tăng trưởng +11,1% svck, đạt 24.531 tỷ đồng. Trong đó:
 - Dư nợ tín dụng đạt 539 nghìn tỷ đồng (+11,7% svck), đây cũng là mức tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng trung bình toàn ngành (+15,1% svck) do STB đang nằm trong diện tái cơ cấu nên tăng trưởng tín dụng bị giới hạn. Động lực tăng trưởng chính đến từ cho vay khách hàng, trong khi ngân hàng không nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp. Về cơ cấu cho vay khách hàng, khách hàng cá nhân vẫn chiếm trọng số lớn nhất trong tổng danh mục cho vay (khoảng 54%), nhưng liên tục sụt giảm trong 5 năm trở lại đây. Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước chiếm lần lượt là 45% và 1%. Danh mục cho vay của STB tiếp tục tập trung mạnh về cho vay phục vụ nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh và tiêu dùng, chiếm gần 80% tổng dư nợ cho vay.
 - Cùng với xu hướng toàn ngành, NIM trong năm 2024 giảm xuống mức 3,64% từ 3.82% do ngân hàng hưởng ứng chính sách giảm lãi suất của chính phủ và NHNN hỗ trợ khách hàng. Lãi suất sinh lời bình quân sụt giảm mạnh hơn chi phí vốn và lần lượt đạt 7,42% (-225 bps svck) và 4,06% (-211 bps svck).
- Thu nhập ngoài lãi sau khi sụt giảm mạnh -54,4% svck trong năm 2023 đã có sự hồi phục nhẹ đạt 4.145 tỷ đồng (+1,1% svck). Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đạt 1.106 tỷ đồng, tăng nhẹ +0,6% svck. Bên cạnh đó, thu từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng tích cực (+13,8% svck) được hỗ trợ chủ yếu từ mảng thẻ, thanh toán. Ngược lại, thu nhập từ hoạt động khác giảm đáng kể, xuống 1 tỷ đồng từ mức 327 tỷ đồng năm 2023 do tăng mạnh chi phí về hoạt động kinh doanh khác.
- Chi phí hoạt động ghi nhận 13.982 tỷ đồng (+8,5% svck) đưa mức CIR giảm nhẹ xuống 48,8% so với mức 49,2% cùng kì năm trước, tuy nhiên đây vẫn là mức cao hơn so với trung bình ngành ở mức 40.2%.
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng sụt giảm mạnh, ghi nhận 1.974 tỷ đồng (-46,5% svck).

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA STB Q4/2024 & NĂM 2024

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Q4 2023	Q4 2024	%YoY	2023	2024	%YoY
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	5.633	6.099	8,3%	22.072	24.532	11,1%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	1.075	1.311	21,9%	4.101	4.145	1,1%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	6.708	7.410	10,5%	26.173	28.677	9,6%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	3.410	3.151	-7,6%	12.890	13.982	8,5%
CIR (%)	50,8%	42,5%		49,2%	48,8%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	544	-367	-167,5%	3.688	1.974	-46,5%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	2.755	4.626	67,9%	9.595	12.720	32,6%
NIM (%)	3.59%	3.42%		3.82%	3.64%	
Chi phí tín dụng (%)	0,46%	-0,28%		0,80%	0,39%	
ROA (%)	1.36%	1.98%		1.22%	1.42%	
ROE (%)	20,2%	27,1%		18,3%	20,0%	

Nguồn: STB, ABS Research

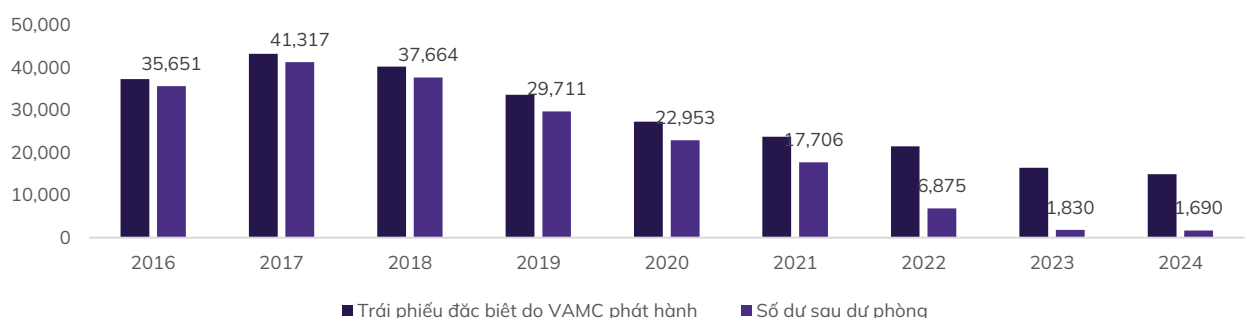
• Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động:

- Tại thời điểm 31/12/2024, tỷ lệ nợ xấu của STB ghi nhận 2,4%, giảm so với quý trước nhưng tăng 12 điểm cơ bản so với cùng kỳ. Nợ nhóm 2 và nợ xấu lần lượt tăng 17,9% svck và 18% svck. Đặc biệt, nợ xấu nhóm 5 bật tăng mạnh +81% svck, nguyên nhân chính tới từ việc Thông tư 02 hết hiệu lực từ ngày 31/12/2024, khiến một số khách hàng bị phân loại lại nhóm nợ. Chất lượng tài sản sụt giảm khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đi lùi nhẹ về mức 68,4% từ mức 68,8% năm 2023.
- Tiền gửi khách hàng tăng trưởng mức 11,8% svck, là một trong số ít ngân hàng có tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi cao hơn tăng trưởng tín dụng. Vì vậy, chúng tôi cho rằng STB ít chịu áp lực của việc tăng lãi suất huy động. Tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt khoảng 102 nghìn tỷ đồng (+9% YTD), tỷ lệ CASA ở mức 18%, giúp ngân hàng giữ vững vị trí trong top 10 nhà băng có tỷ lệ CASA cao nhất.
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất CAR đạt 10,14% tuy thấp hơn trung bình ngành nhưng vượt yêu cầu tối thiểu 8% theo quy định của NHNN, là cơ sở vững chắc giúp ngân hàng đối phó với những rủi ro thị trường.

Kế hoạch năm 2025

- STB đặt chỉ tiêu LNNT năm 2025 tăng trưởng 15% trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều bất ổn:**
 - Sacombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 14,650 tỷ đồng, tăng 15% so với kết quả 2024.
 - Tổng tài sản cuối năm 2025 đạt 819,800 tỷ đồng, tăng 10% so với đầu năm. Nguồn vốn huy động đạt 736,300 tỷ đồng (+9% svck) và dư nợ tín dụng đạt 614,000 tỷ đồng (+14% svck). Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động tuân thủ đúng quy định của NHNN.
- Cập nhật tình hình đề án tái cơ cấu**

Mệnh giá trái phiếu do VAMC phát hành và số dư sau trích lập dự phòng (Tỷ VND)



Nguồn: STB, ABS Research

- STB đã gần như thực hiện xong đề án tái cơ cấu với việc đã hoàn thành 13/14 mục tiêu của đề án, chỉ còn bước cuối cùng là xử lý cổ phiếu của Trầm Bê và những người liên quan theo đề án tái cơ cấu.
- Các khoản tổn động thuộc đề án giảm 80,5% về quy mô và giảm 28,1% về tỷ trọng so với thời điểm bắt đầu triển khai, hiện còn chiếm 2,4% tổng tài sản. Tính tới cuối năm 2024, dư nợ trái phiếu VAMC sau khi trích lập dự phòng còn 1.690 tỷ đồng. Dự phòng lũy kế cho trái phiếu VAMC đạt 13.258 tỷ đồng, trong đó STB đã sử dụng 1.305 tỷ đồng để xử lý nợ và hoàn nhập trích lập 40 tỷ đồng trong 2024. Dưới đây là các tài sản đảm bảo đáng chú ý cho lượng trái phiếu này:

- Khu công nghiệp Phong Phú đã bán đấu giá thành công với giá bán là 7,934 tỷ đồng. STB đã thu được 1,578 tỷ đồng tương đương 20% trên tổng số tiền đấu giá trong năm 2024 và dự kiến sẽ được thu 30-40% năm 2025 (khoảng 2.380-3.173 tỷ đồng) và còn lại năm 2026 (~3.182 tỷ đồng – 3.976 tỷ đồng).
- Đối với các khoản nợ được bảo đảm bằng 32,5% cổ phiếu STB của ông Trầm Bê và người có liên quan tương đương với hơn 604,94 triệu cổ phiếu, STB đã trình các phương án xử lý và đang chờ sự phê duyệt từ NHNN. Số lượng cổ phiếu này có giá trị sổ sách hơn 6 nghìn tỷ và giá trị thị trường hơn 24 nghìn tỷ đồng với giá thị trường tại thời điểm hiện tại.

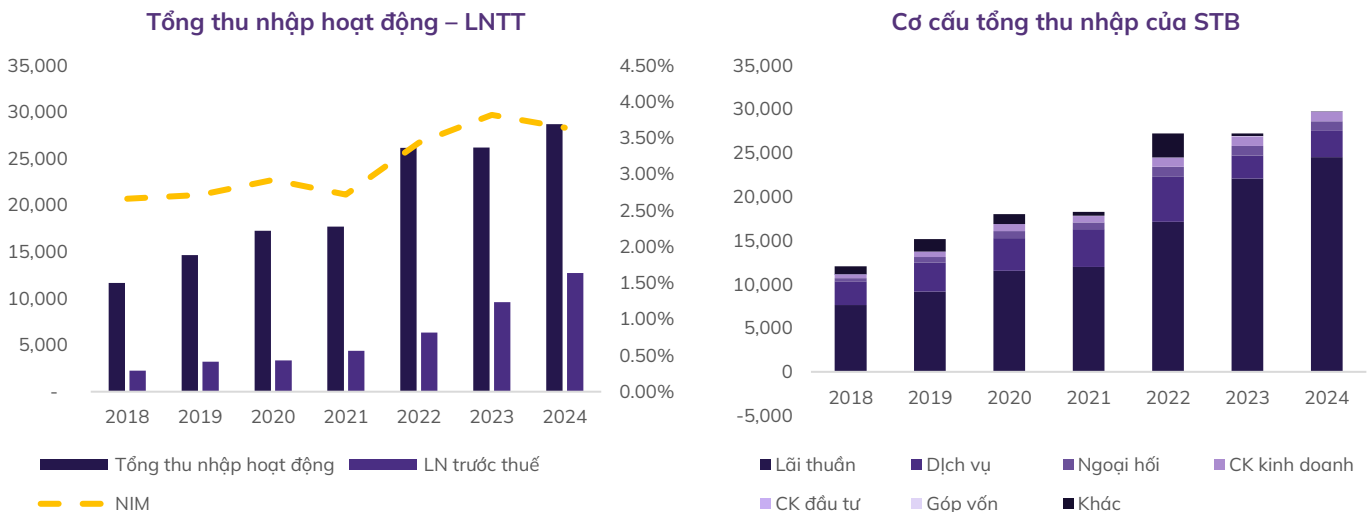
• Về phương án phân phối lợi nhuận và tăng vốn

- Năm 2024, lợi nhuận trước thuế của Sacombank đạt 12,720 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 10,087 tỷ đồng. Sau khi trích lập các quỹ, Ngân hàng còn hơn 7,013 tỷ đồng. Cộng với 18,339 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất giữ lại năm trước, Sacombank có hơn 25,352 tỷ đồng lợi nhuận hợp nhất giữ lại lũy kế.
- Sau khi được NHNN chấp thuận, HĐQT sẽ xây dựng phương án chi tiết, bao gồm tỷ lệ phát hành cổ phiếu để chia cổ tức và tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên. Phương án chi tiết sẽ được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trước khi triển khai thực hiện các thủ tục, hồ sơ xin phép cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

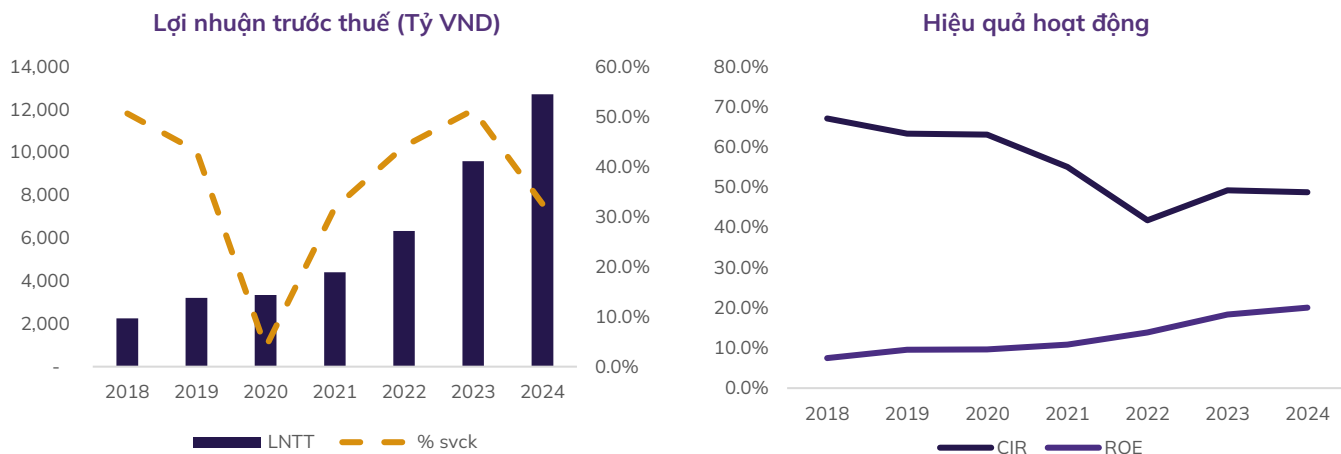
- **Mua lại cổ phần của công ty chứng khoán:** Ngân hàng có chủ trương góp vốn hoặc mua cổ phần công ty chứng khoán để trở thành công ty con của Sacombank với tỷ lệ sở hữu tại công ty chứng khoán vượt trên 50%, tổng giá trị đầu tư tối đa 1,500 tỷ đồng. Tuy nhiên, đó không phải là Công ty chứng khoán SBS.

• Về kết quả kinh doanh và một số chỉ số trong quý 1/2025

- Quý 1, Sacombank huy động thị trường 1 tăng 3.3% YTD, đạt 33% kế hoạch. Tăng trưởng cho vay đạt 4.7% YTD, đạt 33% kế hoạch. Nợ xấu được kiểm soát ở mức 2.2%, tăng 0.2% do khách hàng bị ảnh hưởng bởi khó khăn, nền kinh tế và thị trường bất động sản chưa phục hồi. Lợi nhuận trước thuế đạt 3,674 tỷ đồng.



Nguồn: STB, ABS Research



Nguồn: STB, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng kết quả kinh doanh năm 2025 của STB sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định so với cùng kỳ do các yếu tố:
 - Chúng tôi dự phóng STB tăng trưởng tín dụng khoảng 11% - 13% trong năm 2025, thấp hơn mục tiêu tăng trưởng tín dụng ngân hàng đề ra, do ngân hàng vẫn chưa hoàn thành đề án tái cơ cấu. Bên cạnh đó, những tác động từ thuế quan từ chính quyền tổng thống Donald Trump dù không tác động trực tiếp lên ngành ngân hàng, nhưng sẽ tác động lớn đến nhu cầu tín dụng, đặc biệt từ các ngành liên quan đến xuất khẩu sẽ suy yếu.
 - Chúng tôi cho rằng trong năm 2025 ngân hàng tiếp tục thực hiện các chương trình giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng, tuy nhiên việc ngân hàng được tăng mức tín nhiệm trong khoảng thời gian gần đây giúp nhà băng sẽ có nhiều nguồn vốn từ nước ngoài hỗ trợ, từ đó chi phí vốn của ngân hàng sẽ được cải thiện. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng rằng NIM của STB tiếp tục duy trì ở mức 3.6% trong năm 2025.
 - Chất lượng tài sản của STB có thể chịu áp lực trong thời gian tới khi nợ xấu và nợ nhóm 2 trong năm 2024 có xu hướng tăng khiến ngân hàng mạnh tay hơn trong việc trích lập dự phòng. Chúng tôi kỳ vọng ngân hàng sẽ hoàn tất quá trình tất toán nợ xấu tại VAMC trong 2025. Đối với thu nhập từ việc đấu giá thành công KCN Phong Phú sẽ phụ thuộc tiến độ hoàn thành của dự án và quyết định hạch toán của ban lãnh đạo. Còn đối với xử lý 32,5% cổ phần STB do VAMC quản lý, việc xử lý thành công sẽ giúp STB mở ra nguồn lực tài chính mới, nâng cao vị thế và thu hút đối tác chiến lược chất lượng cao. Tuy nhiên, phương án xử lý 32,5% cổ phần STB do VAMC quản lý chưa được NHNN phê duyệt cũng như thời gian ghi nhận lợi nhuận từ bán KCN Phong Phú chưa được xác nhận nên chúng tôi chưa đưa vào dự phóng lợi nhuận và định giá trong 2025.
 - Dựa trên kế hoạch của STB và triển vọng ngành ngân hàng trong khoảng thời gian sắp tới, chúng tôi điều chỉnh lại ước tính LNTT của STB trong năm 2025 là 14.420 tỷ đồng (+13,4% svck). Theo đó, chúng tôi ước tính EPS của công ty trong năm 2025 là 6.119 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 6,4x tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 34.648 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 1,13x lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F dự kiến là 18,5%.
 - Chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho cổ phiếu STB là **41.600 VNĐ/CP**, tương đương với P/B 2025F ở mức 1,2x, (cao hơn mức giá mục tiêu 40.500 trong báo cáo chiến lược đầu năm). Giá cổ phiếu đã tăng đáng kể từ thời điểm khuyến nghị trước đây và tiến gần đến giá mục tiêu, do đó chúng tôi hạ khuyến nghị từ **MUA** xuống **TRUNG LẬP** với tiềm năng tăng giá 4%.

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA STB

Báo cáo KQ HKKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	29,691	37,391	55,927	49,989
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(17,726)	(20,244)	(33,855)	(25,457)
Thu nhập lãi thuần	11,964	17,147	22,072	24,532
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6,431	8,330	6,137	6,121
Chi phí hoạt động dịch vụ	(2,088)	(3,136)	(3,519)	(3,143)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4,343	5,194	2,618	2,978
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	737	1,062	1,100	1,106
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	164	(20)	34	56
Thu nhập từ hoạt động khác	865	2,874	445	369
Chi phí hoạt động khác	(408)	(129)	(119)	(368)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	457	2,745	327	1
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	39	12	23	5
Tổng thu nhập hoạt động	17,704	26,141	26,173	28,677
Chi phí hoạt động	(9,750)	(10,921)	(12,890)	(13,982)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	7,954	15,221	13,283	14,695
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3,554)	(8,882)	(3,688)	(1,974)
Tổng lợi nhuận trước thuế	4,400	6,339	9,595	12,720
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(989)	(1,298)	(1,876)	(2,633)
Lợi nhuận sau thuế	3,411	5,041	7,719	10,087
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
VCSH/TTS	6.6%	6.5%	6.8%	7.3%
VCSH/ Cho vay khách hàng	8.8%	8.8%	9.5%	10.2%
An toàn vốn	2021	2022	2023	2024
NPL	1.5%	1.0%	2.3%	2.4%
Dự phòng bao nợ xấu	118.6%	131.0%	68.8%	68.4%
Hiệu quả hoạt động	2021	2022	2023	2024
CIR	55.1%	41.8%	49.2%	48.8%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	67.6%	65.6%	84.3%	85.5%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	32.4%	34.4%	15.7%	14.5%
Lợi nhuận	2021	2022	2023	2024
NIM	2.7%	3.4%	3.8%	3.6%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HKKD	32.4%	34.4%	15.7%	14.5%
ROA	0.7%	0.9%	1.2%	1.4%
ROE	10.8%	13.8%	18.3%	20.0%
Thanh khoản	2021	2022	2023	2024
LDR thuần	86.5%	91.3%	89.4%	89.3%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	8,222	7,850	7,545	8,215
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	12,170	12,286	12,848	17,644
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	8,354	25,294	50,333	88,241
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	110	0	0
Cho vay khách hàng	381,012	432,998	475,169	530,448
Chứng khoán đầu tư	69,667	68,801	74,636	85,648
Đầu tư dài hạn	89	89	83	82
Tài sản cố định	8,195	7,548	7,269	7,355
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản Cố khác	33,219	36,831	46,506	10,461
Tổng tài sản	521,117	591,908	674,390	748,095
Các khoản nợ NHNN	523	9,901	19	54
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	15,229	28,430	37,950	70,655
Tiền gửi của khách hàng	427,387	454,740	510,744	566,882
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	108	0	91	54
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	279	240	323	449
Phát hành giấy tờ có giá	21,104	25,820	28,992	36,754
Các khoản nợ khác	22,226	34,148	50,535	18,275
Tổng nợ phải trả	486,856	553,281	628,656	693,122
Vốn	20,602	20,602	20,602	20,602
Dự phòng	3,715	4,223	4,971	6,083
Chênh lệch tỷ giá	37	(169)	(225)	(138)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	9,907	13,972	20,387	28,426
Tổng vốn chủ sở hữu	34,261	38,627	45,734	54,972
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	521,117	591,908	674,390	748,095
Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Huy động	-0.1%	6.4%	12.3%	11.0%
Tín dụng	14.0%	13.1%	10.1%	11.7%
Tổng tài sản	5.8%	13.6%	13.9%	10.9%
Vốn chủ sở hữu	18.3%	12.7%	18.4%	20.2%
Thu nhập lãi thuần	3.8%	43.3%	28.7%	11.1%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	2.5%	47.7%	0.1%	9.6%
Chi phí hoạt động	-10.5%	12.0%	18.0%	8.5%
Lợi nhuận trước thuế	31.8%	44.1%	51.4%	32.6%
Lợi nhuận sau thuế	27.2%	47.8%	53.1%	30.7%
Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
EPS (đồng/cp)	1,595	2,674	4,094	4,751
BVPS (đồng/cp)	18,174	20,489	24,259	29,160
P/E	15.86	11.35	9.04	8.26
P/B	1.39	1.48	1.53	1.35

Nguồn: FiinPro, STB, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây